

TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN THÔNG

PTDN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 691/VNPT-Media-KTTC

Hà Nội, Ngày 31 tháng 8 năm 2017

V/v: Công bố thông tin DN 6 tháng đầu
năm 2017 theo ND 81/2015/ND-CP

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
CÔNG VĂN ĐẾN	
SỐ:	37107
NGÀY:	06. 9. 2017
CHUYỂN:	

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Thực hiện Nghị định 81/2015/ND-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ về việc Công bố thông tin của Doanh nghiệp Nhà nước;

Thực hiện Văn bản số 874/VNPT-KHĐT ngày 10/03/2016 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc Công bố thông tin doanh nghiệp theo Nghị định 81/2015/ND-CP;

Căn cứ văn bản số 690/VNPT-Media-KTTC ngày 31/08/2017 của Chủ tịch Tổng công ty Truyền thông về việc giao cho Tổng Giám đốc công bố thông tin doanh nghiệp theo Nghị định 81/2015/ND-CP;

Tổng công ty Truyền thông xin báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam các nội dung Công bố thông tin doanh nghiệp theo Quyết định số 111/QĐ-VNPT-Media-KHĐT số liệu của 6 tháng đầu năm 2017, cụ thể như sau:

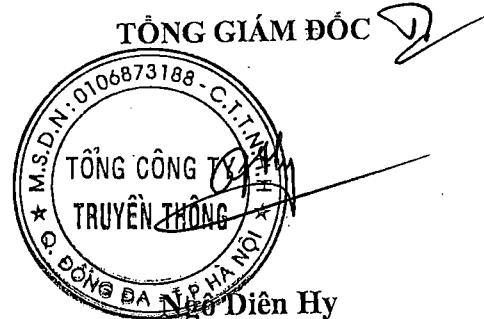
- + Bảng cân đối kế toán;
 - + Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - + Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
- (được trình bày từ trang số 01 đến trang số 10 đính kèm)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch VNPT-Media (để b/c);
- KSV VNPT-Media;
- Lưu VT, KTTC, HHV.

AIS: 199027-VBGT.



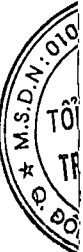
**PHỤ LỤC CÁC CHỈ TIÊU KẾT QUẢ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo CV số 691 /VNPT-Media-KTTC ngày 31 tháng 08 năm 2017)

I. BÁO CÁO CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Mẫu số B01-DN)

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	778.654	908.919
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	106.807	340.325
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	515.000	265.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	148.474	281.135
140	IV. Hàng tồn kho	3.497	4.530
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	4.876	17.929
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	313.755	363.254
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	20	-
220	II. Tài sản cố định	312.636	363.035
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	(6)	(25)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		
260	V. Tài sản dài hạn khác	1.105	244
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.092.409	1.272.173
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	303.771	495.819
310	I. Nợ ngắn hạn	289.575	481.476
330	II. Nợ dài hạn	14.196	14.343
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	788.638	776.354
410	I. Vốn chủ sở hữu	788.638	776.354
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.092.409	1.272.173



Handwritten signature

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG (Mẫu số B02-DN)

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Số năm trước
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.1	534.457	628.374
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	33	(430.801)	(414.061)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		103.656	214.313
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	32.2	7.470	5.538
22	7. Chi phí tài chính	32.2	-	(1.669)
25	8. Chi phí bán hàng	34	(14.511)	
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	(30.865)	(42.560)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.750	175.622
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	36	2.816	924
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		68.566	176.545
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.1, 41.2	13.713	35.309
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		54.853	141.236

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Mẫu số B03-DN)

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Số năm trước
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		141.355	275.939
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(374.873)	(283.792)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(60.134)
50	Tăng/(giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(233.518)	(67.987)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		340.325	252.197
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		0	(1.666)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		106.807	182.544

IV. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Mẫu số B09-DN)

I/ Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1/ Hình thức sở hữu vốn:

Tổng công ty Truyền thông là Công ty TNHH một thành viên do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam sở hữu và nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con được thành lập theo quyết định số 89/QĐ-VNPT-HĐTV-TCCB ngày 08 tháng 05 năm 2015 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

2/ Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh dịch vụ phần mềm, dịch vụ nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng, truyền thông, truyền hình.

3/ Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động viễn thông không dây
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ
- Xuất bản phần mềm;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
- Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc;
- Hoạt động hậu kỳ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
- Sao chép bản ghi các loại;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cổng thông tin (chỉ hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép);
- Hoạt động thông tấn (chỉ hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép);
- Quảng cáo;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng
- Hoạt động nhiếp ảnh;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- Hoạt động tư vấn quản lý
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí;
- Hoạt động thư viện và lưu trữ;

- Lập trình máy vi tính
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu:

4/ Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5/ Cấu trúc của Doanh nghiệp:

Tổng công ty Truyền thông có trụ sở chính tại số 57A Phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
- Công ty Phát triển Dịch vụ Truyền hình MyTV	Tòa nhà VNPT, số 97 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Công ty Phát triển Dịch vụ Giá trị gia tăng	Tòa nhà VNPT, số 97 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Công ty Phát triển Dịch vụ Truyền thông	Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Công ty Phát triển Phần mềm VNPT-Media	Tòa nhà VNPT, số 97 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
-VPĐD Tổng công ty Truyền thông tại Miền Trung	Số 04 Phố Ông Ích Khiêm, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
-VPĐD Tổng công ty Truyền thông tại Miền Nam	21-23 Đường Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP HCM

II/ Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1/ Niên độ kế toán:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty Truyền thông áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12.

2/ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ). Trong kỳ các nghiệp vụ phát sinh bằng các đồng tiền khác được chuyển đổi ra đồng Việt Nam

III/ Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Tổng công ty Truyền thông được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ) theo đúng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017, Tổng công ty Truyền thông áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Các chuẩn mực của Kế toán

Việt Nam; Quyết định số 205/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 11/08/2015 của Tập đoàn về việc ban hành tạm thời quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Truyền thông và các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính có liên quan của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

IV/ Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 của Tổng công ty Truyền thông được thành lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 của Văn phòng Tổng công ty, Văn phòng đại diện Tổng công ty Truyền thông tại Miền Trung, Văn phòng đại diện Tổng công ty tại Miền Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán trực thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 được tính toán bằng cách tổng cộng chỉ tiêu tương ứng của tất cả báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Đối với các quan hệ giao dịch về đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hộ,...) cung cấp dịch vụ, sản phẩm lẫn nhau, thu chi hộ, ... giữa Văn phòng Tổng công ty với các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị kế toán trực thuộc với nhau được cân trừ ở các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

1/ Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2/ Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên sổ sách kế toán theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3/ Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

4/ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng hóa tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng hóa tồn kho mua ngoài gồm giá mua, các loại thuế không

được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Áp dụng phương pháp tính theo giá đích danh dựa trên giá trị thực tế của từng đợt (lô) hàng hóa mua vào, từng mặt hàng hóa xuất ra.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Phương pháp trích lập dự phòng và giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

5/ Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

- *Tài sản cố định hữu hình:*

+ Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

+ Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

+ Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

+ Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.


+ Tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm tài sản cố định được hình thành từ mua sắm và tài sản cố định nhận bàn giao từ tập đoàn:

* Đối với tài sản cố định hữu hình do Tập đoàn thực hiện và chuyển giao cho Tổng công ty khai thác, sử dụng, tài sản được ghi nhận khi có biên bản bàn giao cùng với những chứng từ liên quan khác để xác định nguyên giá.

* Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm do Tổng công ty thực hiện, tài sản được ghi tăng nguyên giá khi bàn giao dựa trên hồ sơ mua sắm tài sản cố định.

- *Tài sản cố định vô hình:*

+ Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

+ Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. 

+ Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

+ Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Khấu hao và hao mòn:*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2013 và các quy định, hướng dẫn nội bộ khác của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam:

+ Phần mềm máy tính	3 năm
+ Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 30 năm
+ Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải	8 - 12 năm
+ Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

6/ Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây của Tổng công ty được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- + Chi phí thuê nhà;
- + Bảo hiểm tài sản;
- + Chi phí nội dung;
- + Chi phí trả trước dài hạn khác;

7/ Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8/ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm 30/6/2017, Tổng Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu của khách hàng đã quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm tỷ lệ là 30%, các khoản nợ phải thu của khách hàng đã quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm tỷ lệ là 50%, từ 2 năm đến dưới 3 năm tỷ lệ là 70% và khoản phải thu trên 3 năm tỷ lệ là 100% theo Quyết định số 329/QĐ-VNPT-TCKT của Tổng Giám đốc Tập đoàn ban hành ngày ngày 24 tháng 3 năm 2015. Tại ngày 30

tháng 06 năm 2016, Tổng công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo tỷ lệ trích lập được hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) theo Văn bản số 3334/VNPT- TCKT của Tập đoàn ban hành ngày 04 tháng 07 năm 2016 về việc hướng dẫn quyết toán năm 2016.

9/ Ghi nhận doanh thu bán hàng và doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu từ các dịch vụ Viễn thông và Công nghệ Thông tin được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Doanh thu chưa thực hiện

Phản ánh số liệu tăng giảm và tình hình doanh thu chưa thực hiện của Tổng công ty trong kỳ kế toán. Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như:

- + Doanh thu truyền hình
- + Doanh thu quảng cáo, truyền thông...

10/ Ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tính đến 30/06/2017 là phần tài sản thuần, được hình thành từ các nguồn:

- + Tập đoàn giao vốn điều lệ
- + Quỹ đầu tư phát triển trích từ lợi nhuận sau thuế

11/ Ghi nhận giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán của Tổng công ty được phản ánh trị giá giá vốn của hàng hóa bán ra và giá trị giá vốn của sản phẩm truyền thông trong kỳ kế toán bán ra trong kỳ.

12/ Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

+ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán.

+ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch.

+ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Hồng Vân

Võ Thăng Long

Ngô Diên Hy